

# **Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2016



# Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 31

11/11/2023

S. D. V. S.

# Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Gia Lai, hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("Giấy CNĐKKD") số 3903000196 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu vào ngày 2 tháng 6 năm 2008 và theo các Giấy CNĐKKD điều chỉnh như sau:

<i>Giấy CNĐKKD điều chỉnh:</i>	<i>Ngày:</i>
Số 3903000196	
Từ lần thứ nhất đến lần thứ ba	Từ năm 2008 đến ngày 2 tháng 4 năm 2013
Số 5900288566	
Từ lần thứ tư đến lần thứ bảy	Từ ngày 18 tháng 10 năm 2013 đến ngày 14 tháng 2 năm 2015
Lần thứ tám	Ngày 2 tháng 4 năm 2015
Lần thứ chín	Ngày 13 tháng 4 năm 2016

Điều chỉnh lần thứ 9 vào ngày 13 tháng 4 năm 2016 phê duyệt việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty.

Hoạt động kinh doanh theo Giấy CNĐKKD của Công ty là xây dựng công trình thủy điện vừa và nhỏ; sản xuất, truyền tải và phân phối điện; và cung cấp hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 114 Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê An Khang	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đình Tuấn	Thành viên
Ông Trần Đình Lợi	Thành viên
Ông Đinh Châu Hiếu Thiện	Thành viên
Ông Hà Nguyễn Hoàng	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hàn Phi Hải	Trưởng ban	
Bà Vũ Thị Kiều Vân	Thành viên	
Bà Đỗ Vũ Hải Hà	Thành viên	bổ nhiệm ngày 17 tháng 3 năm 2016
Bà Trần Thị Thu Hồng	Thành viên	từ nhiệm ngày 17 tháng 3 năm 2016

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trịnh Vinh Thanh	Giám đốc
Ông Đoàn Văn Sơn	Phó Giám đốc

# Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê An Khang.

Ông Trịnh Vinh Thanh được Ông Lê An Khang ủy quyền để ký báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 theo Quyết định số 25/2015-QĐ-CT.HĐQT ngày 20 tháng 11 năm 2015.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Trịnh Vinh Thanh  
Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2016





**Building a better  
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited  
28th Floor, Bitexco Financial Tower  
2 Hai Trieu Street, District 1  
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252  
Fax: +84 8 3824 5250  
ey.com

Số tham chiếu: 61121146/18592623/LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai ("Công ty") được lập ngày 10 tháng 8 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 31, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Building a better  
working world

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**

Đoàn Thị Thu Thủy  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 1070-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 1 tháng 1 năm 2016
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>100.824.752.056</b>	<b>100.713.519.428</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>16.402.687.917</b>	<b>67.095.462.041</b>
111	1. Tiền		9.402.687.917	3.895.462.041
112	2. Các khoản tương đương tiền		7.000.000.000	63.200.000.000
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>81.826.523.568</b>	<b>31.254.539.359</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	11.479.268.645	30.687.273.320
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	20.374.000.000	294.047.150
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	49.973.254.923	273.218.889
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>		<b>2.492.080.310</b>	<b>2.301.970.810</b>
141	1. Hàng tồn kho	7	2.492.080.310	2.301.970.810
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>103.460.261</b>	<b>61.547.218</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	66.355.845	25.632.727
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	37.104.416	35.914.491
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>261.443.255.003</b>	<b>316.299.193.670</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>248.309.211.262</b>	<b>258.191.648.987</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	246.867.306.237	256.745.428.612
222	Nguyên giá		394.275.412.434	392.984.322.886
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(147.408.106.197)	(136.238.894.274)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	1.441.905.025	1.446.220.375
228	Nguyên giá		1.492.970.000	1.492.970.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(51.064.975)	(46.749.625)
<b>240</b>	<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>12.740.433</b>
242	1. Xây dựng cơ bản dở dang		-	12.740.433
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>10</b>	<b>12.100.000.000</b>	<b>57.100.000.000</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		12.000.000.000	12.000.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		100.000.000	45.100.000.000
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.034.043.741</b>	<b>994.804.250</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	1.034.043.741	994.804.250
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>362.268.007.059</b>	<b>417.012.713.098</b>

72-C  
TY  
JU HA  
DUNI  
M  
CHIN

11/07/2016



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 1 tháng 1 năm 2016
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>54.775.328.216</b>	<b>123.073.722.121</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>32.200.365.638</b>	<b>89.575.189.290</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	578.126.144	185.054.511
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	3.540.949.204	4.970.830.811
314	3. Phải trả người lao động		372.142.275	758.727.548
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		130.652.723	40.000.000
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	14	2.485.284.573	58.806.358.466
320	6. Vay ngắn hạn	15	21.743.378.048	21.197.628.192
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.349.832.671	3.616.589.762
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>22.574.962.578</b>	<b>33.498.532.831</b>
338	1. Vay dài hạn	15	22.574.962.578	33.498.532.831
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>307.492.678.843</b>	<b>293.938.990.977</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>16.1</b>	<b>307.492.678.843</b>	<b>293.938.990.977</b>
411	1. Vốn cổ phần		205.000.000.000	205.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		205.000.000.000	205.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		52.499.670.000	52.499.670.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		28.883.472.879	28.883.472.879
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		21.109.535.964	7.555.848.098
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước		877.188.123	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		20.232.347.841	7.555.848.098
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>362.268.007.059</b>	<b>417.012.713.098</b>

Võ Thị Tuyết Điệp  
Người lập

Võ Thị Tuyết Điệp  
Phụ trách kế toán


Trịnh Vinh Thanh  
Giám đốc


Ngày 10 tháng 8 năm 2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
01	1. Doanh thu bán hàng		35.417.229.307	45.306.983.098
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng	17.1	35.417.229.307	45.306.983.098
11	3. Giá vốn hàng bán	18, 21	15.046.617.144	16.952.887.257
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng		20.370.612.163	28.354.095.841
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	5.890.022.103	1.246.637.665
22	6. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	19	1.841.884.231 1.841.884.231	2.873.559.556 2.678.132.101
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20, 21	1.779.786.707	2.173.171.376
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		22.638.963.328	24.554.002.574
31	9. Thu nhập khác		73.574.977	-
32	10. Chi phí khác		185.541.888	50.806.468
40	11. Lỗ khác		(111.966.911)	(50.806.468)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		22.526.996.417	24.503.196.106
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22	2.294.648.576	3.021.141.698
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		20.232.347.841	21.482.054.408
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	16.4	987	1.048
71	16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	16.4	987	1.048

  
Võ Thị Tuyết Điệp  
Người lập

  
Võ Thị Tuyết Điệp  
Phụ trách kế toán



  
Trịnh Vĩnh Thanh  
Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>22.526.996.417</b>	<b>24.503.196.106</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	8, 9	11.173.527.273	11.258.327.078
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(5.937.165)	195.427.455
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(5.883.335.850)	(1.246.637.665)
06	Chi phí lãi vay	19	1.841.884.231	2.678.132.101
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>29.653.134.906</b>	<b>37.388.445.075</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(830.529.690)	(4.228.217.003)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(190.109.500)	146.494.710
11	Giảm các khoản phải trả		(645.037.554)	(893.167.713)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(79.962.609)	1.797.109.399
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.795.231.508)	(2.596.976.317)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	22	(3.563.633.349)	(3.833.959.573)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.820.417.066)	(1.400.996.421)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>20.728.213.630</b>	<b>26.378.732.157</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(1.285.606.513)	(830.713.819)
24	Tiền thu hồi cho vay		-	82.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(33.589.860.000)
27	Tiền thu lãi cho vay và lãi tiền gửi		1.140.691.406	1.246.637.665
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(144.915.107)</b>	<b>48.826.063.846</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	15	(10.371.134.144)	(10.354.626.464)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông	16.5	(60.904.938.503)	(51.071.965.299)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(71.276.072.647)</b>	<b>(61.426.591.763)</b>



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(50.692.774.124)	13.778.204.240
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		67.095.462.041	15.005.651.543
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	16.402.687.917	28.783.855.783

Võ Thị Tuyết Diệp  
Người lập

Võ Thị Tuyết Diệp  
Phụ trách kế toán



Trịnh Vinh Thanh  
Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2016



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Gia Lai và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("Giấy CNĐKKD") số 3903000196 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu vào ngày 2 tháng 6 năm 2008 và theo các Giấy CNĐKKD điều chỉnh như sau:

<i>Giấy CNĐKKD điều chỉnh:</i>	<i>Ngày:</i>
Số 3903000196	
Từ lần thứ nhất đến lần thứ ba	Từ năm 2008 đến ngày 2 tháng 4 năm 2013
Số 5900288566	
Từ lần thứ tư đến lần thứ bảy	Từ ngày 18 tháng 10 năm 2013 đến ngày 14 tháng 2 năm 2015
Lần thứ tám	Ngày 2 tháng 4 năm 2015
Lần thứ chín	Ngày 13 tháng 4 năm 2016

Điều chỉnh lần thứ 9 vào ngày 13 tháng 4 năm 2016 phê duyệt việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty.

Hoạt động kinh doanh theo Giấy CNĐKKD của Công ty là xây dựng công trình thủy điện vừa và nhỏ; sản xuất, truyền tải và phân phối điện; và cung cấp hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 114 Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là: 51 (1 tháng 1 năm 2016: 54).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán doanh nghiệp Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là chứng từ ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Việt Nam đồng ("VND").

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nhiên liệu, công cụ và dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.9 Các khoản đầu tư

##### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

##### *Dự phòng giảm giá đầu tư*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.12 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được ghi nhận như khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

▶ *Cổ tức*

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

**3.13 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.14 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán điện*

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên số lượng điện thực tế đã bán ra và chuyển tải lên lưới điện theo giá bán điện đã thỏa thuận trước.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 1 tháng 1 năm 2016
Tiền mặt	23.289.704	16.337.202
Tiền gửi ngân hàng	9.379.398.213	3.879.124.839
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>7.000.000.000</u>	<u>63.200.000.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>16.402.687.917</u></b>	<b><u>67.095.462.041</u></b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc từ một (1) đến ba (3) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 4,5% đến 5,5% một năm.

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 1 tháng 1 năm 2016
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 23)	<u>11.479.268.645</u>	<u>30.687.273.320</u>

**5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 1 tháng 1 năm 2016
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 23)	20.000.000.000	-
Trả trước cho bên khác	<u>374.000.000</u>	<u>294.047.150</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>20.374.000.000</u></b>	<b><u>294.047.150</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**6. PHẢI THU NGÂN HẠN KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 1 tháng 1 năm 2016
Phải thu chuyển nhượng khoản đầu tư	49.500.000.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	144.530.000	-
Lãi tiền gửi ngân hàng	72.644.444	273.218.889
Khác	256.080.479	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>49.973.254.923</b>	<b>273.218.889</b>
<i>Trong đó</i>		
<i>Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 23)</i>	49.750.932.474	-
<i>Phải thu từ bên khác</i>	222.322.449	273.218.889

**7. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 1 tháng 1 năm 2016
Công cụ, dụng cụ	1.995.137.260	1.983.640.260
Nhiên liệu	496.943.050	318.330.550
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.492.080.310</b>	<b>2.301.970.810</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

VND

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>						
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2016	193.478.121.738	154.777.276.171	4.903.660.391	161.650.000	39.663.614.586	392.984.322.886
Mua mới trong kỳ	-	1.291.089.548	-	-	-	1.291.089.548
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>193.478.121.738</u>	<u>156.068.365.719</u>	<u>4.903.660.391</u>	<u>161.650.000</u>	<u>39.663.614.586</u>	<u>394.275.412.434</u>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2016	63.169.376.500	53.840.901.740	1.347.445.053	6.507.276	17.874.663.705	136.238.894.274
Khấu hao trong kỳ	4.929.989.040	4.496.840.637	224.331.546	14.102.502	1.503.948.198	11.169.211.923
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>68.099.365.540</u>	<u>58.337.742.377</u>	<u>1.571.776.599</u>	<u>20.609.778</u>	<u>19.378.611.903</u>	<u>147.408.106.197</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2016	<u>130.308.745.238</u>	<u>100.936.374.431</u>	<u>3.556.215.338</u>	<u>155.142.724</u>	<u>21.788.950.881</u>	<u>256.745.428.612</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>125.378.756.198</u>	<u>97.730.623.342</u>	<u>3.331.883.792</u>	<u>141.040.222</u>	<u>20.285.002.683</u>	<u>246.867.306.237</u>

Dự án Thủy điện H'Mun của Công ty với giá trị còn lại là 180.666.104.036 VND đã được sử dụng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng. Chi tiết được thể hiện trong *Thuyết minh số 15*.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND <i>Quyền sử dụng đất</i>
<b>Nguyên giá:</b>	
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2016	
và ngày 30 tháng 6 năm 2016	1.492.970.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>	
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2016	46.749.625
Hao mòn trong kỳ	4.315.350
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	51.064.975
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2016	1.446.220.375
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	1.441.905.025

Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất của Dự án Thủy điện H'Mun với giá trị còn lại là 1.441.905.025 VND để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng. Chi tiết được thể hiện trong *Thuyết minh số 15*.

**10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	VND Ngày 1 tháng 1 năm 2016
Đầu tư vào công ty liên kết (*)	12.000.000.000	12.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (**)	100.000.000	45.100.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.100.000.000</b>	<b>57.100.000.000</b>

(\*) Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

<i>Tên công ty</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>		<i>Ngày 1 tháng 1 năm 2016</i>	
	<i>Tỷ lệ</i>	<i>Giá mua của</i>	<i>Tỷ lệ</i>	<i>Giá mua của</i>
	<i>sở hữu</i>	<i>khoản đầu tư</i>	<i>sở hữu</i>	<i>khoản đầu tư</i>
	(%)	VND	(%)	VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Thượng Lộ (i)	30	12.000.000.000	30	12.000.000.000

(i) Công ty Cổ phần Thủy điện Thượng Lộ ("Thượng Lộ") là một công ty cổ phần hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("Giấy CNĐKKD") số 3301515921 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp vào ngày 2 tháng 4 năm 2013, và các Giấy CNĐKKD điều chỉnh. Thượng Lộ có trụ sở đăng ký tại số 189 Đường Phạm Văn Đồng, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế. Hoạt động chính của Thượng Lộ là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

(\*\*) Chi tiết khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Tên công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 1 tháng 1 năm 2016	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá mua của khoản đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá mua của khoản đầu tư
	(%)	VND	(%)	VND
Công ty TNHH GKC (i)	0,07	100.000.000	0,07	100.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú	-	-	15	45.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>100.000.000</b>		<b>45.100.000.000</b>

(i) Công ty TNHH GKC ("GKC") là một công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên hoạt động theo Giấy CNĐKKD số 6101145316 do Sở KH&ĐT Tỉnh Kon Tum cấp vào ngày 30 tháng 8 năm 2012, và các Giấy CNĐKKD điều chỉnh. GKC có trụ sở đăng ký tại Thôn Măng Đen, Xã Đăk Long, Huyện Kon Plông, Tỉnh Kon Tum. Hoạt động chính của GKC là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 1 tháng 1 năm 2016
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí bảo hiểm	66.355.845	25.632.727
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	761.017.543	954.531.637
Công cụ, dụng cụ	273.026.198	40.272.613
	1.034.043.741	994.804.250
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.100.399.586</b>	<b>1.020.436.977</b>

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 1 tháng 1 năm 2016
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 23)	578.126.144	73.350.631
Phải trả cho người bán khác	-	111.703.880
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>578.126.144</b>	<b>185.054.511</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Ngày 1 tháng 1 năm 2016	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 22)	3.457.259.969	2.294.648.576	3.563.633.349	2.188.275.196
Thuế tài nguyên	368.185.435	964.857.450	964.929.532	368.113.353
Thuế giá trị gia tăng	1.145.385.407	3.549.080.428	3.709.905.180	984.560.655
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.970.830.811</b>	<b>6.808.586.454</b>	<b>8.238.468.061</b>	<b>3.540.949.204</b>
Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	35.914.491	1.209.054.031	1.207.864.106	37.104.416

**14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 1 tháng 1 năm 2016
Cổ tức phải trả	2.233.873.752	58.013.812.255
Phí bảo vệ môi trường rừng	203.481.080	652.535.080
Khác	47.929.741	140.011.131
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.485.284.573</b>	<b>58.806.358.466</b>
Trong đó		
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 23)	20.109.200	34.568.131.950
Phải trả các bên khác	2.465.175.373	24.238.226.516

**15. VAY**

	VND			
	Ngày 1 tháng 1 năm 2016	Trả nợ vay	Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Vay ngân hàng	54.696.161.023	10.371.134.144	6.686.253	44.318.340.626
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	21.197.628.192			21.743.378.048
Vay dài hạn	33.498.532.831			22.574.962.578

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**15. VAY** (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Hợp đồng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 (VND)	Nguyên tệ (Đô la Mỹ)	Ngày đáo hạn	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
<b>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai</b>						
Hợp đồng tín dụng số 36/2006/HĐTĐ, ngày 1 tháng 12 năm 2006	19.000.000.000		Ngày 30 tháng 9 năm 2019	Xây dựng công trình Thủy điện H'Mun	9,0	Tài sản và quyền sử dụng đất của Dự án Thủy điện H'Mun
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả	5.000.000.000					
<b>Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai</b>						
Hợp đồng tín dụng số 08/2006/HĐTĐ ngày 11 tháng 8 năm 2006	18.643.116.613		Ngày 31 tháng 10 năm 2017	Xây dựng công trình Thủy điện H'Mun	8,4	Tài sản và quyền sử dụng đất của Dự án Thủy điện H'Mun
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả	14.316.000.000					
Hợp đồng tín dụng vốn ODA số 02/2006/TDNN-ODA ngày 27 tháng 9 năm 2006	6.675.224.013	305.181	Ngày 27 tháng 9 năm 2019	Xây dựng công trình Thủy điện H'Mun	1,7	Tài sản và quyền sử dụng đất của Dự án Thủy điện H'Mun
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả	<u>2.427.378.048</u>	110.976				
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>44.318.340.626</u></b>					
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả Vay dài hạn	21.743.378.048 22.574.962.578					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**16.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	VND				
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>					
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2015	205.000.000.000	52.499.670.000	28.883.472.879	877.188.123	287.260.331.002
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	21.482.054.408	21.482.054.408
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>205.000.000.000</u>	<u>52.499.670.000</u>	<u>28.883.472.879</u>	<u>22.359.242.531</u>	<u>308.742.385.410</u>
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</b>					
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2016	205.000.000.000	52.499.670.000	28.883.472.879	7.555.848.098	293.938.990.977
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	20.232.347.841	20.232.347.841
Cổ tức công bố	-	-	-	(5.125.000.000)	(5.125.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.553.659.975)	(1.553.659.975)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>205.000.000.000</u>	<u>52.499.670.000</u>	<u>28.883.472.879</u>	<u>21.109.535.964</u>	<u>307.492.678.843</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**16.2 Vốn cổ phần**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016			Ngày 1 tháng 1 năm 2016		
	Giá trị	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
	VND	Cổ phiếu	%	VND	Cổ phiếu	%
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	119.193.640.000	11.919.364	58,14	119.193.640.000	11.919.364	58,14
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	6.000.000.000	600.000	2,93	6.000.000.000	600.000	2,93
Các cổ đông khác	79.806.360.000	7.980.636	38,93	79.806.360.000	7.980.636	38,93
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>205.000.000.000</b>	<b>20.500.000</b>	<b>100</b>	<b>205.000.000.000</b>	<b>20.500.000</b>	<b>100</b>

**16.3 Cổ phiếu – cổ phiếu phổ thông**

	Số cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 1 tháng 1 năm 2016
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	20.500.000	20.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	20.500.000	20.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	20.500.000	20.500.000

**16.4 Lãi trên cổ phiếu**

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Lợi nhuận thuần sau thuế (VND)	20.232.347.841	21.482.054.408
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>20.232.347.841</b>	<b>21.482.054.408</b>
Số lượng cổ phiếu bình quân (cổ phiếu)	20.500.000	20.500.000
Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)		
- Lãi cơ bản	987	1.048
- Lãi suy giảm	987	1.048

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**16.5 Cổ tức**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Cổ tức công bố trong kỳ	5.125.000.000	-
Cổ tức đã trả trong kỳ	60.904.938.503	51.071.965.299

**17. DOANH THU**

**17.1 Doanh thu thuần về bán hàng**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Doanh thu bán điện	<u>35.417.229.307</u>	<u>45.306.983.098</u>
Trong đó: Doanh thu phát sinh với bên liên quan (Thuyết minh số 23)	35.417.229.307	45.306.983.098

**17.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	4.500.000.000	-
Lãi tiền gửi và cho vay	1.383.335.850	1.246.637.665
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	6.686.253	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>5.890.022.103</b></u>	<u><b>1.246.637.665</b></u>

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Giá vốn bán điện	<u>15.046.617.144</u>	<u>16.952.887.257</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
		VND
Chi phí lãi vay	1.841.884.231	2.678.132.101
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	195.427.455
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.841.884.231</u></b>	<b><u>2.873.559.556</u></b>

**20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
		VND
Chi phí nhiên liệu, vật liệu	26.170.573	45.260.392
Chi phí nhân công	890.194.959	1.030.988.301
Chi phí khấu hao và hao mòn	92.060.506	140.811.459
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.824.494	589.033.088
Chi phí khác	762.536.175	367.078.136
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.779.786.707</u></b>	<b><u>2.173.171.376</u></b>

**21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
		VND
Chi phí nhiên liệu, vật liệu	96.775.911	353.698.381
Chi phí nhân công	2.723.531.699	3.230.349.094
Chi phí khấu hao và hao mòn	11.100.284.160	11.258.327.078
Chi phí dịch vụ mua ngoài	120.391.151	247.848.618
Chi phí khác	2.785.420.930	4.035.835.462
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>16.826.403.851</u></b>	<b><u>19.126.058.633</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế (2015: 22%).

Đối với Dự án Thủy điện H'Chan, Công ty được áp dụng mức thuế suất 10% trong vòng mười lăm (15) năm kể từ khi dự án bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh (là năm 2006), được miễn thuế bốn (4) năm (từ năm 2006 đến năm 2009) và được giảm 50% thuế TNDN cho chín (9) năm tiếp theo (từ năm 2010 đến năm 2018) kể từ khi có thu nhập chịu thuế do dự án đầu tư mang lại.

Đối với Dự án Thủy điện H'Mun, Công ty được giảm 50% thuế TNDN cho chín (9) năm từ năm 2015 đến năm 2023.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Bảng đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán trước thuế trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và thu nhập chịu thuế được trình bày như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>22.526.996.417</b>	<b>24.503.196.106</b>
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	424.420.098	370.123.114
Thù lao Hội đồng Quản trị	186.000.000	170.000.000
Điều chỉnh khác	-	(691.506.775)
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính</b>	<b>23.137.416.515</b>	<b>24.351.812.445</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Dự án Thủy điện H'Chan</i>	<i>10.443.194.813</i>	<i>14.798.645.195</i>
<i>Dự án Thủy điện H'Mun</i>	<i>7.663.555.035</i>	<i>9.553.167.250</i>
<i>Khác</i>	<i>5.030.666.667</i>	<i>-</i>
<b>Thuế TNDN ước tính phải nộp</b>	<b>2.294.648.576</b>	<b>2.841.629.055</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Dự án Thủy điện H'Chan</i>	<i>522.159.741</i>	<i>739.932.260</i>
<i>Dự án Thủy điện H'Mun</i>	<i>766.355.504</i>	<i>2.101.696.796</i>
<i>Khác</i>	<i>1.006.133.331</i>	<i>-</i>
Thuế TNDN trích thiếu các kỳ trước	-	179.512.642
<b>Chi phí thuế TNDN trong kỳ</b>	<b>2.294.648.576</b>	<b>3.021.141.698</b>
<b>Thuế TNDN phải trả đầu kỳ</b>	<b>3.457.259.969</b>	<b>2.931.020.453</b>
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(3.563.633.349)	(3.833.959.573)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối kỳ</b>	<b>2.188.275.196</b>	<b>2.118.202.578</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan*

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng.

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Cổ đông	Bán hàng hóa	35.417.229.307	45.306.983.098
		Chia cổ tức	150.000.000	-
		Mua hàng hóa	106.635.620	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Chuyển nhượng khoản đầu tư	49.500.000.000	-
		Ứng trước tiền mua hàng	20.000.000.000	-
		Thu nhập lãi	532.666.667	-
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Chia cổ tức	2.979.841.000	-
		Mua hàng hóa	591.983.035	-
		Chi phí được chi hộ	543.830.442	-
		Mua dịch vụ	474.415.138	1.138.091.844
		Cung cấp dịch vụ	73.574.977	-
	Lãi cho vay	-	878.656.944	
Công ty TNHH Một Thành viên Xây lắp và Cơ điện Gia Lai	Bên liên quan	Mua dịch vụ	-	759.317.410

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 1 tháng 1 năm 2016</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i></b>				
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Cổ đồng	Bán điện	11.479.268.645	30.687.273.320
<b><i>Phải thu ngắn hạn khác</i></b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Chuyển nhượng khoản đầu tư Lãi cho vay	49.500.000.000 170.000.000	- -
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	80.932.474	-
			<b>49.750.932.474</b>	<b>-</b>
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn</i></b>				
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Mua dịch vụ	528.087.988	5.703.213
Công ty TNHH Một Thành viên Xây lắp và Cơ điện Gia Lai	Bên liên quan	Mua dịch vụ	50.038.156	50.038.156
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Cổ đồng	Mua dịch vụ	-	17.609.262
			<b>578.126.144</b>	<b>73.350.631</b>
<b><i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i></b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Ứng trước tiền mua hàng	20.000.000.000	-
<b><i>Phải trả ngắn hạn khác</i></b>				
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Chi phí được chi hộ Cổ tức	20.109.200 -	139.880.950 32.778.251.000
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Cổ đồng	Cổ tức	-	1.650.000.000
			<b>20.109.200</b>	<b>34.568.131.950</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát trong kỳ này và kỳ trước như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Lương và thưởng	880.627.484	913.067.308

**24. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có các sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.



\_\_\_\_\_  
Võ Thị Tuyết Điệp  
Người lập



\_\_\_\_\_  
Võ Thị Tuyết Điệp  
Phụ trách kế toán



\_\_\_\_\_  
Trịnh Vinh Thanh  
Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

